**BẢNG MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên Chương trình: **Chương trình đào tạo cử nhân chính quy**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**

Mã ngành đào tạo: **7810103**

Cấp bởi: **Trường Đại học Lạc Hồng**

Đối tượng áp dụng: **Từ khóa tuyển sinh năm 2021**

Thời điểm công bố: **5/2021**

**1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1.1 Giới thiệu về chương trình đào tạo**

Chương trình đạo tạo Quản trị kinh doanh ra đời từ năm 2019, với mục tiêu đào tạo ra các cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để trở thành những nhà quản trị trong các doanh nghiệp dịch vụ du lịch, lữ hành. Chương trình đào tạo được phát triển theo khung trình độ quốc gia và tiêu chuẩn nghề nghiệp của Tổng Cục du lịch Việt Nam với mức độ thích ứng cao phù hợp với nhu cầu của xã hội và doanh nghiệp.

**1.2 Mục tiêu đào tạo**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh trong vòng 3 năm sẽ có khả năng:

- PEO1: Biết những kiến thức hiện đại về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

- PEO2: Vận dụng những bài học kinh nghiệm quản lý, điều hành và nghiệp vụ của các nhà doanh nghiệp, quản lý trong và ngoài nước để phục vụ công việc.

- PEO3: Vận dụng những kỹ năng và phẩm chất phù hợp để quản lý, điều hành và thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn trong doanh nghiệp du lịch – lữ hành một cách khoa học và có hiệu quả cao.

* 1. **Cơ hội việc làm**

- Người tốt nghiệp chương trình có đủ khả năng làm việc tại các vị trí của doanh nghiệp du lịch lữ hành như: quản lý, chuyên viên phụ trách các bộ phận lưu trú, nhà hàng, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, tổ chức hội nghị - sự kiện; quản trị - điều hành - thiết kế tour tại các công ty trong và ngoài nước hoặc các tổ chức phi chính phủ; hướng dẫn viên du lịch hoặc; chuyên viên tại các Sở, Ban, Ngành về Du lịch hoặc nghiên cứu, giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu,…

- Tự thành lập và điều hành làm doanh nghiệp của chính mình.

**1.4 Quan điểm phát triển chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự tham khảo chương trình đào đạo của một số trường như: Đại học Hà Nội, Đại học KHXH-NV Hà Nội, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Đại Học Văn Hóa TP Hồ Chí Minh, Đại học Quốc tế …. Đồng thời, chương trình này cũng dựa trên đầu vào là các phản hồi thông qua các cuộc khảo sát chính thức, hội chợ việc làm, cuộc họp xem xét kết quả học tập thường niên cũng như các cuộc họp hàng năm với cựu sinh viên.

**1.5 Hình thức và thời gian đào tạo**

* Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.
* Thời gian đào tạo: 3,5 năm.

**1.6 Điểm tham khảo để thông báo kết quả chương trình**

Khảo sát ý kiến của các bên liên quan

**2. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH**

* Đối tượng 1: Xét tuyển điểm thi PTTH Quốc Gia
* Đã tốt nghiệp THPT
* Đạt điểm sàn theo quy định của Bộ GD&ĐT.
* Đối tượng 2: Xét tuyển học bạ lớp 12 (hoặc học bạ lớp 10, 11, và 12)
* Đã tốt nghiệp THPT
* Tổng điểm cả năm lớp 12 >=6 (hoặc trung bình 3 năm lớp 10, 11, và 12 >=6)
* Đối tượng 3: Xét tuyển điểm thi năng lực quốc gia

**3. CHUẨN ĐẦU RA**

Sinh viên tốt nghiệp chương trình cử nhân Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra sau:

**3.1 Kiến thức**

**- ELO1:** Trình bày được những kiến thức cơ bản về triết học, pháp luật, chính trị, xã hội nói chung và hoạt động kinh tế nói riêng; các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh.

**- ELO2:** Vận dụng được kiến thức nền tảng về các lĩnh vực ứng dụng cơ bản như: kinh tế học, thống kê ứng dụng trong du lịch và xác suất – thống kê.

- **ELO3:** Sử dụng được tiếng Anh và hiểu một ngoại ngữ Châu Á khác (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) trong học tập, nghiên cứu và công việc. Ứng dụng được kiến thức và kỹ năng căn bản về công nghệ thông tin như: hệ điều hành, phần cứng, phần mềm trong du lịch..., sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng như Microsoft Word, Excel, Power Point, khai thác và sử dụng Internet, Email.

- **ELO4:** Biết những kiến thức cơ bản về văn hóa, lịch sử, thực trạng, xu hướng thay đổi hoạt động kinh tế quốc gia và quốc tế: kinh tế học, quản trị học, lịch sử văn minh thế giới, lễ hội - phong tục - tín ngưỡng, tâm lý…

- **ELO5:** Vận dụng những kiến thức pháp luật, kinh tế, du lịch cơ bản để Quản trị nhân sự; quản trị dự án, quản trị hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp du lịch – lữ hành.

- **ELO6:** Vận dụng những kiến thức về quản trị nhà hàng, khách sạn, lữ hành nhằm xây dựng, thiết kế, điều hành, bán và thực hiện các sản phẩm du lịch trong doanh nghiệp du lịch – lữ hành.

**3.2 Kỹ năng**

* **ELO7:** Vận dụng kiến thức để tổ chức thực hiện chiến lược, ý tưởng kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, tổ chức, triển khai, giám sát và kế hoạch marketing... cho doanh nghiệp du lịch lữ hành.
* **ELO8:** Vận dụng kiến thức để lên kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng sản phẩm dịch vụ du lịch... cho doanh nghiệp.
* **ELO9:** Vận dụng kiến thức để quản lý, điều hành, bán và thực hiện kỹ năng hướng dẫn du lịch, lễ tân, buồng, bàn, bar… trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.

**3.3 Thái độ**

* **ELO10:** Nhận định về thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; tác phong công nghiệp, tinh thần tiên phong và tinh thần hợp tác, tôn trọng sự đa dạng và khác biệt về văn hóa.
* **ELO11:** Nhận định được xu hướng, khả năng cập nhật kiến thức và sáng tạo trong công việc.

**4. CÁC MÔN HỌC VÀ MỐI QUAN HỆ VỚI CHUẨN ĐẦU RA**

**4.1 Các môn học đại cương**

| **S**  **TT** | **Mã môn học** | **Tên môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** |
| 1 | 102063 | Triết học Mác-Lênin | x |  |  |  |
| 2 | 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | x |  |  |  |
| 3 | 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | x |  |  |  |
| 4 | 102055 | English 1 |  |  | x |  |
| 5 | 102014 | Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet} |  |  | x |  |
| 6 | 102056 | English 2 |  |  | x |  |
| 7 | 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán |  | x |  |  |
| 8 | 102057 | English 3 |  |  | x |  |
| 9 | 102006 | Pháp luật đại cương | x |  |  |  |
| 10 | 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | x |  |  |  |
| 11 | 102058 | English 4 |  |  | x |  |
| 12 | 102066 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | x |  |  |  |
| 13 | 102059 | English 5 |  |  | x |  |
| 14 | 102060 | English 6 |  |  | x |  |

## 4.2 Các môn học cơ sở ngành

| **S**  **T**  **T** | **Mã**  **môn học** | **Tên**  **môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** |
| 1 | 125045 | Kinh tế học |  | x |  |  |  |  | x |  |  |  | x |
| 2 | 100002 | Marketing cơ bản |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 126029 | Cơ sở văn hóa Việt Nam |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 100003 | Quản trị học |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | 126055 | Tổng quan du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | 125012 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | x |  |  |  |  |  | x |  |  | x | x |
| 7 | 126033 | Lễ hội - Phong tục - Tín ngưỡng Việt Nam |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 126030 | Du lịch bền vững |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 126058 | Địa lý du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 126037 | Quản trị đa văn hóa |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 12 | 126057 | Văn hóa ẩm thực |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 13 | 125021 | Quản trị nguồn nhân lực |  |  |  |  | x |  |  | x |  | x |  |
| 14 | 125022 | Quản trị rủi ro và khủng hoảng |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 15 | 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng |  |  |  |  |  | x | x |  |  | x |  |
| 16 | 126011 | Lịch sử văn minh thế giới |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |

## 4.3 Các môn học chuyên ngành

| **TT** | **Mã MH** | **Tên**  **môn học** | **Chuẩn đầu ra** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO1** | **ELO2** | **ELO3** | **ELO4** | **ELO5** | **ELO6** | **ELO7** | **ELO8** | **ELO9** | **ELO10** | **ELO11** |
| 1 | 126043 | Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong KD du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | 126046 | Tiếng Hàn cho du lịch 1 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | 126050 | Tiếng Nhật cho du lịch 1 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | 126034 | Marketing du lịch |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 5 | 126038 | Quản trị dự án du lịch |  |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |
| 6 | 126060 | Thuyết minh tại điểm đến |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 7 | 126059 | Kinh tế du lịch |  |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |
| 8 | 126012 | Luật du lịch |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |
| 9 | 126047 | Tiếng Hàn cho du lịch 2 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 10 | 126051 | Tiếng Nhật cho du lịch 2 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11 | 126039 | Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 12 | 126041 | Quản trị kinh doanh lữ hành |  |  |  | x |  | x |  |  |  |  |  |
| 13 | 126015 | Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn |  |  |  |  |  | x |  |  | x |  |  |
| 14 | 126048 | Tiếng Hàn cho du lịch 3 |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 15 | 126052 | Tiếng Nhật cho du lịch 3 |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 16 | 126032 | Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu |  |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  |
| 17 | 126036 | Quản trị bán hàng trong du lịch |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 18 | 126027 | Anh văn chuyên ngành du lịch |  |  | x | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 19 | 126035 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  | x |  |  |
| 20 | 126044 | Thiết kế và điều hành tour |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 21 | 126040 | Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 22 | 126056 | Tuyến điểm du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |
| 23 | 126049 | Tiếng Hàn cho du lịch 4 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 24 | 126053 | Tiếng Nhật cho du lịch 4 |  |  | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 25 | 126042 | Quản trị sự kiện và lễ hội |  |  |  |  |  | x |  |  |  |  |  |
| 26 | 126028 | Bảo vệ môi trường du lịch |  |  |  | x |  |  |  |  |  | x |  |

# **5. CÁC CHUỖI MÔN HỌC**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **ELO4** | HK1 | HK2 | HK3 | HK4 | HK5 | HK6 |
| **KT cơ bản du lịch** |  | Tổng quan du lịch | Địa lý du lịch | Kinh tế du lịch |  |  |
| **KT chuyên ngành du lịch** |  |  |  |  | Quản trị kinh doanh lữ hành |  |
| **KT về nghiệp vụ du lịch** |  |  |  |  |  | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch |

# **6. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

# **6.1 Tỷ lệ các khối kiến thức**

| **Khối kiến thức** | | **Tổng số**  **tín chỉ** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| Khối kiến thức giáo dục đại cương | Lý luận chính trị | 11 |  |
| Khoa học xã hội | 2 |  |
| Ngoại ngữ | 12 |  |
| Toán, Tin học, Khoa học tự nhiên, Công nghệ | 5 |  |
| Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | Cơ sở ngành | 32 |  |
| Chuyên ngành | 48 |  |
| Tốt nghiệp | Khóa luận, chuyên đề tốt nghiệp | 10 |  |
| Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu toàn khóa | | **120** |  |

## 6.2 Khối kiến thức giáo dục đại cương

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 102063 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 102064 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102065 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102055 | English 1 | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102014 | Tin học đại cương {Word, Excel, PowerPoint, Internet} | 3 | 2 | 1 | 0 | 75 |  |
| 102056 | English 2 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102037 | Lý thuyết xác suất và thống kê toán | 2 | 1 | 1 | 0 | 60 |  |
| 102057 | English 3 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102006 | Pháp luật đại cương | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102033 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102058 | English 4 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102066 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 102059 | English 5 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 102060 | English 6 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **TỔNG CỘNG** | | **30** | **23** | **2** | **5** | **585** |  |

## 6.3 Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

### 6.3.1 Nhóm các môn học cơ sở ngành

| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 125045 | Kinh tế học | 3 | 2 | 0 | 1 | 60 |  |
| 100002 | Marketing cơ bản | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126029 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 100003 | Quản trị học | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126055 | Tổng quan du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125012 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126033 | Lễ hội - Phong tục - Tín ngưỡng Việt Nam | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126030 | Du lịch bền vững | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126058 | Địa lý du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 125062 | Tin học ứng dụng trong kinh tế | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 125052 | Khởi nghiệp và ứng dụng | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126011 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| **Môn tự chọn** | |  |  |  |  |  |  |
| 126037 | Quản trị đa văn hóa | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK3 |
| 126057 | Văn hóa ẩm thực |
| 125021 | Quản trị nguồn nhân lực | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK4 |
| 125022 | Quản trị rủi ro và khủng hoảng |
| **TỔNG CỘNG** | | **34** | **21** | **0** | **11** | **645** |  |

### 6.3.2 Nhóm các môn học chuyên ngành

| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 126043 | Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong KD du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126034 | Marketing du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126038 | Quản trị dự án du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126060 | Thuyết minh tại điểm đến | 2 | 2 | 0 | 0 | 30 |  |
| 126059 | Kinh tế du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126012 | Luật du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126039 | Quản trị kinh doanh dịch vụ lưu trú | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126041 | Quản trị kinh doanh lữ hành | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126015 | Nghiệp vụ nhà hàng - khách sạn | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126027 | Anh văn chuyên ngành du lịch | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 |  |
| 126035 | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126044 | Thiết kế và điều hành tour | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126040 | Quản trị kinh doanh dịch vụ nhà hàng | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| 126056 | Tuyến điểm du lịch | 3 | 3 | 0 | 0 | 45 |  |
| **Môn tự chọn** | |  |  |  |  |  |  |
| 126046 | Tiếng Hàn cho du lịch 1 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK3 |
| 126050 | Tiếng Nhật cho du lịch 1 |
| 126047 | Tiếng Hàn cho du lịch 2 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK4 |
| 126051 | Tiếng Nhật cho du lịch 2 |
| 126048 | Tiếng Hàn cho du lịch 3 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK5 |
| 126052 | Tiếng Nhật cho du lịch 3 |
| 126032 | Kỹ năng hoạt náo - sơ cứu | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK5 |
| 126036 | Quản trị bán hàng trong du lịch |
| 126049 | Tiếng Hàn cho du lịch 4 | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK6 |
| 126053 | Tiếng Nhật cho du lịch 4 |
| 126042 | Quản trị sự kiện và lễ hội | 2 | 1 | 0 | 1 | 45 | HK6 |
| 126028 | Bảo vệ môi trường du lịch |
| **TỔNG CỘNG** | | **48** | **37** | **0** | **11** | **885** |  |

## 6.4 Khối kiến thức tốt nghiệp

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mã MH** | **Môn học** | **Số tín chỉ** | | | | **Số tiết** | **Ghi chú** |
| **Tổng TC** | **Lý thuyết** | **Thực hành** | **Bài tập** |
| 22222 | Tốt nghiệp | 10 | 10 | 0 | 0 | 150 |  |
| **TỔNG CỘNG** | | **10** | **10** | **0** | **0** | **150** |  |

**⃰ Khóa luận tốt nghiệp**: Trong giai đoạn thực tập, sinh viên tiến hành làm báo cáo nghiên cứu khoa học hoặc làm báo cáo tốt nghiệp để hoàn thiện các tiêu chí theo chuẩn đầu ra.

**7. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY THEO TỪNG HỌC KỲ**

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đại học Lạc Hồng. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ, mỗi năm học được chia thành 2 học kỳ chính. Trong năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các học phần thuộc khối kiến thức chung và các kiến thức cơ sở ngành, các học phần chuyên sâu về quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ được giảng dạy vào 2 năm tiếp theo và sinh viên tham gia thực tập tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp trong học kỳ cuối.

**8. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Sinh viên đủ điều kiện được xét tốt nghiệp khi hoàn tất các yêu cầu sau:

* + - Bằng tốt nghiệp cấp 3 (chứng thực không quá 6 tháng).
    - Hoàn thành đủ số TC theo qui định (không còn nợ bất cứ TC nào).
    - Có đầy đủ 2 chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng theo qui định của Bộ.
    - Có Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc nâng cao và B Ngoại ngữ theo quy định của Trường.
    - Có đủ các chứng nhận Kỹ năng mềm theo quy định của Trường.

Ngoài ra, sinh viên phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn khác theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ khóa học 2020 – 2024, Ban hành theo Quyết định số 583/QĐ-ĐHLH ngày 14/9/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lạc Hồng.

**9. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN**

**125060 – KINH TẾ HỌC**

Kinh tế học hướng đến bài toán đáp ứng nhu cầu vô hạn của con người trong điều kiện tài nguyên khan hiếm. Môn học gồm 2 phần, (1) kinh tế học Vi mô hướng đến các bài toán của cá nhân người tiêu dùng và nhà sản xuất; (2) Kinh tế học Vĩ mô liên quan đến các vấn đề chung của nền kinh tế quốc dân. Qua môn này, người học có thể hiểu biết các khái niệm cơ bản của kinh tế học như luật cung cầu, cơ chế thị trường, sự lựa chọn của người tiêu dùng, hành vi của nhà sản xuất, lạm phát, thất nghiệp, chu kỳ kinh tế, hệ thống tài chính tiền tệ cũng như là các chính sách kinh tế vĩ mô của quốc gia. Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị một số kỹ năng và ứng dụng lý thuyết trong phân tích làm cơ sở cho việc học các môn học khác.

**100002 – MARKETING CƠ BẢN**

Môn Marketing căn bản được giảng dạy nhằm cung cáp các kiến thức cơ bản trong nghệ thuật Marketing đối với khách hàng, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các phương án giải quyết nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

Marketing căn bản cung cấp cho học viên những kiến căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh.

**100003 – QUẢN TRỊ HỌC**

Quản trị học bao gồm các kiến thức cơ bản về quá trình tổ chức và phối hợp hoạt động có hiệu quả của các cá nhân trong tổ chức nhằm đạt đến mục tiêu chung của cả tổ chức trong điều kiện biến động của môi trường kinh tế xã hội. Nội dung môn học gồm các vấn đề lớn: Các vấn đề chung: Giới thiệu các khái niệm và vai trò của quản trị cũng như lịch sử hình thành của quản trị. Phân biệt hiệu quả và kết quả của quản trị, đồng thời nêu ra những phương pháp tiếp cận quản trị học trên cơ sở lý thuyết và thực tiễn của quản trị. Cơ sở khoa học của quản trị: các lý thuyết quản trị, các nguyên tắc và phương pháp quản trị, thông tin và quyết định quản trị. Các chức năng quản trị như hoạch định, tổ chức, phối hợp, kiểm tra, điều chỉnh và một số vấn đề về quản trị học hiện đại trong thế kỷ 21, chân dung các nhà quản trị & các kinh nghiệm quản trị của các công ty, doanh nghiệp trong nước và trên thế giới

Một số ứng dụng về lý luận quản trị học đang triển khai & ứng dụng có hiệu quả trong các doanh nghiệp công ty của ngành Hàng không VN, và các công ty, hãng hàng không, cảng hàng không- sân bay của các nước tiên tiến trên thế giới.

**126024 – CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM**

Môn Văn hóa Việt Nam dành cho sinh viên các ngành thuộc khoa Đông Phương và các ngành học liên quan đến du lịch, nhằm trình bày những đặc trưng cơ bản, các quy luật hình thành và phát triển của một nền văn hóa cụ thể. Cơ sở văn hóa Việt Nam trang bị những hiểu biết cơ bản về nền văn hóa dân tộc Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc.

**126026 – LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI**

Môn Lịch sử văn minh thế giới thuộc khối kiến thức khoa học xã hội dành cho mọi sinh viên làm việc trong ngành dịch vụ. Nghiên cứu lịch sử văn minh là một cách thức đánh dấu trình độ phát triển về hiểu biết của con người. Qua đó, bản chất của con người cũng được khẳng định. Bởi vì, chỉ có con người sau khi đã phát triển ở một mức độ nhất định mới đủ khả năng tìm hiểu về chính mình và cuộc sống xã hội.

**126022 – TỔNG QUAN DU LỊCH**

Tổng quan du lịch là một môn học có vị trí quan trọng nhằm trang bị cho người học những kiến thức khái quát cơ bản nhất về các vấn đề liên quan đến lịch sử hình thành, phát triển của ngành du lịch trên thế giới cũng như ở Việt Nam.

**125048 – PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học. Cách thu thập dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp. Cách xử lý dữ liệu thứ cấp và dữ liệu sơ cấp trong nghiên cứu. Cách trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

**126025 – LỄ HỘI - PHONG TỤC – TÍN NGƯỠNG VIỆT NAM**

Môn Phong tục – tín ngưỡng – lễ hội Việt Nam trang bị kiến thức chuyên sâu về phong tục – tín ngưỡng và lễ hội truyền thống của người Việt. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể tham gia một cách có ý thức vào việc bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời giúp cho sinh viên biết khái quát hóa cũng như viết được những bài thuyết minh giới thiệu văn hóa Việt Nam cho khách du lịch.

**126020 – THỐNG KÊ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH**

Môn học thống kê ứng dụng trong du lịch, dịch vụ và lữ hành trang bị cho sinh viên những kiến thức về:

- Hệ thống các bước nghiệp vụ thống kê phục vụ yêu cầu tổ chức thu thập, xử lý, phân tích dữ liệu trong du lịch, dịch vụ và lữ hành.

- Cung cấp hệ thống các phương pháp thống kê nhằm thu thập thông tin ban đầu, xử lý các thông tin đã thu thập, phân tích, dự đoán hiện tượng phục vụ cho mọi mục đích sử dụng thông tin trong quản lý du lịch, dịch vụ và lữ hành.

- Giới thiệu các phần mềm làm công cụ xử lý dữ liệu trên nền tảng lý thuyết về các phương pháp nhằm biết khai thác công cụ tính toán đồng thời biết đọc các kết quả tính toán từ công cụ.

**126003 – DU LỊCH BỀN VỮNG**

Là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đạo tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung: khái quát về du lịch bền vững; nguyên tắc và chính sách phát triển du lịch bền vững; đánh giá tính bền vững của du lịch; phát triển bền vững một số loại hình du lịch.

**126018 – TÂM LÝ VÀ NGHỆ THUẬT GIAO TIẾP ỨNG XỬ TRONG DU LỊCH**

Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong du lịch là bộ môn quan trọng nhằm trang bị cho người học một số kiến thức tổng hợp về sự nảy sinh, quá trình hình thành và phát triển cũng như cơ chế hình thành tâm lý, các hiện tượng tâm lý của du khách trong quá trình du lịch, các nguyên tắc ứng xử và giao tiêp trong du lịch.

**126002 – ĐỊA LÝ DU LỊCH**

Địa lý du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về du lịch, quá trình hình thành và phát triển ngành du lịch, các điều kiện phát triển du lịch, công tác tổ chức lãnh thổ du lịch, cách phân vùng du lịch và các vùng du lịch ở Việt Nam.

**126021 – TIN HỌC ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH**

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về áp dụng phần mềm thống kê SPSS, Excel nâng cao trong nghiên cứu các vấn đề du lịch, dịch vụ và lữ hành. Viết thuyết minh kết quả và đưa ra các hàm ý chính sách từ kết quả ứng dụng nghiên cứu trong quản trị du lịch, dịch vụ và lữ hành.

**126012 – QUẢN TRỊ ĐA VĂN HÓA**

Học phần trang bị kiến thức về văn hóa, quản trị đa văn hóa, các khía cạnh văn hóa và ảnh hưởng của văn háo đến kinh doanh dịch vụ du lịch; trang bị kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa kinh doanh du lịch, về văn hóa giao tiếp và đàm phán, sự khác biệt trong giao tiếp và đàm phán qua các nền văn hóa khác nhau; trang bị các kiến thức và kĩ năng để vượt qua sự khác biệt văn hóa trong môi trường kinh doanh dịch vụ du lịch.

**126027 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 1**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bảng chữ Hangeul, cách ghép chữ, viết chữ đúng trật tự. Kết thúc học phần 1 sinh viên được phải nắm vững bảng chữ cái, cách ghép chữ và được trang bị khoảng 60 từ vựng mới. Trong quá trình học, học viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

**126031 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 1**

Học phần bao gồm bảng chữ Kana và 3 bài ( từ bài 1- bài 3) của sách Minna no nihongo shokyu I. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

**126035 – VĂN HÓA ẨM THỰC**

Văn hóa ẩm thực là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức khái quát về văn hoá, văn hoá ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới. Kiến thức này được vận dụng cho xây dựng thực đơn cũng như trong tổ chức phục vụ ăn uống trong du lịch

**126008 – MARKETING DU LỊCH**

Marketing du lịch được giảng dạy nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu trong nghệ thuật Marketing đối với khách du lịch, nhận diện khách hàng của mình và đề ra các chiến lược nhằm đem đến sự thỏa mãn cao nhất cho khách hàng.

**125021– QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC**

Môn học Quản trị nguồn nhân lực cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng, các hoạt động chủ yếu của quản trị nhân lực và các quan hệ lao động trong tổ chức.

**126005 – KINH TẾ DU LỊCH**

Môn học cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về du lịch như các khái niệm về du lịch, lịch sử hình thành và phát triển của du lịch, những điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động đi du lịch của con người cũng như các hoạt động kinh doanh của con người, các điều kiện để phát triển du lịch , thời vụ du lịch và các nhân tố như cơ sở vật chất kỹ thuật, con người, đánh giá hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp du lịch.

**126013 –QUẢN TRỊ DỰ ÁN DU LỊCH**

Môn học cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về quản trị dự án du lịch: các phương pháp xây dựng ngân lưu, thẩm định dự án du lịch, quản lý dự án du lịch theo thời gian, cân đối nguồn lực khi thực hiện dự án du lịch,… qua đó nhận thức tầm quan trọng của việc quản trị dự án trong ngành du lịch và biết vận dụng những kiến thức môn học vào công việc và cuộc sống.

**126007 – LUẬT DU LỊCH**

Luật du lịch là môn khoa học pháp lý chuyên ngành. Luật du lịch nghiên cứu các quy định cơ bản và cần thiết về quyền lợi, nghĩa vụ của các chủ thể trong hoạt động du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, xúc tiến du lịch và hợp tác du lịch, vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và hình thức xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch.

**126028 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 2**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như gia đình, ăn uống, giờ giấc... Trong quá trình học, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

**126032 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 2**

Môn học giúp sinh viên có thể đọc được tiếng Nhật và biết cách chào hỏi, giới thiệu bản thân. Biết sử dụng động từ và viết câu trong tiếng Nhật. Mỗi bài là một tình huống giao tiếp thực tế ở Nhật Bản nên qua bài học SV có thể nắm được cách giao tiếp với người Nhật; sử dụng từ vựng trong bài để chào hỏi người Nhật.

**125022 – QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KHỦNG HOẢNG**

Rủi ro là một vấn đề luôn xảy ra trong mọi hoạt động, từ hoạt động trong kinh doanh đến các hoạt động trong đời sống hằng ngày. Quản trị rủi ro là hành động không thể thiếu đối với các doanh nghiệp, giúp hoạt động của doanh nghiệp được duy trì, ổn định và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra. Môn học quản trị rủi ro trình bày các vấn đề như: nhận dạng rủi ro, đo lường rủi ro, kiểm soát rủi ro, tài trợ rủi ro nhằm giúp người học có thể xếp loại rủi ro và giảm thiểu rủi ro về tài chính, về giá và đầu tư.

**126004 – KHỞI NGHIỆP VÀ ỨNG DỤNG TRONG DU LỊCH**

Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp và ứng dụng cho sinh viên đại học thuộc ngành quản trị kinh doanh: Môi trường kinh doanh, tố chất, kỹ năng cần có của chủ doanh nghiệp; các phương pháp lựa chọn ý tưởng kinh doanh, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp; triển khai các hoạt động kinh doanh từ lý thuyết vào thực tiễn, đồng thời đánh giá những trách nhiệm và những rủi ro thường gặp của việc khởi nghiệp.

**126014 – QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ LƯU TRÚ**

Tổng quan về kinh doanh khách sạn, Cơ sở vật chất kỹ thuật và quy trình đầu tư xây dựng khách sạn. Tổ chức bộ máy của khách sạn. Tổ chức kinh doanh lưu trú của khách sạn. Marketing trong kinh doanh khách sạn. Quản trị chất lượng dịch vụ của khách sạn. Tổ chức hoạt động kinh doanh Resort. Quản trị nguồn nhân lực của khách sạn. Phân tích kết quả kinh doanh và tài chính của khách sạn.

**126016 – QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH**

Quản trị kinh doanh lữ hành là bộ môn nghiên cứu về phương pháp quản lý và điều hành doanh nghiệp lữ hành. Các phương pháp quản lý vận hành doanh nghiệp cũng như xác định các vấn đề và phương pháp giải quyết trong quá trình quản lý doanh nghiệp.

**126011 – QUẢN TRỊ BÁN HÀNG TRONG DU LỊCH**

Là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; kỹ năng bán hàng và quản lý chế độ khách hàng lớn; lập kế hoạch bán hàng; tổ chức địa điểm bán; kiểm soát bán hàng; chăm sóc khách hàng và thực hiện dịch vụ sau bán hàng.

**126010 – NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG – KHÁCH SẠN**

Nghiệp vụ nhà hàng – khách sạn là môn học hướng dẫn cho sinh viên những kỹ năng về cơ bản trong ngành nhà hàng – khách sạn như nghiệp vụ lễ tân, nghiệp vụ phục vụ bàn, nghiệp vụ buồng, nghiệp vụ giám sát.

**126006 – KỸ NĂNG HOẠT NÁO VÀ SƠ CỨU**

Hoạt náo là một kỹ năng vô cùng cần thiết đối với các bạn sinh viên, đặc biệt là sinh viên du lịch. Môn học hình thành cho sinh viên sự hài hước, giao tiếp duyên dáng, biết cách tổ chức các trò chơi nhằm mang đến không khí vui vẻ và thoải mái cho du khách, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour…

**126029 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 3**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ sơ cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như việc mua sắm, đi lại sử dụng phương tiện công cộng, gọi điện thoại... Trong quá trình học, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại, giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ căn bản để đủ trình độ học tiếp các chương trình tiếng Hàn kế tiếp.

**126033 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 3**

Học phần gồm 4 bài (từ bài 8-11) của giáo trình みんなの日本語初級I (*Minna no Nihongo Shokyu I*) tập trung vào việc phân loại tính từ, lượng từ, từ chỉ thời lượng, các cách biến đổi thì, thể của tính từ, các cấu trúc diễn đạt thái độ yêu, ghét, giỏi, dở việc nào đó, cách đếm số lượng người, đồ vật theo từng chủng loại.

Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi…

**100010 – THUẾ**

## Môn Thuế là môn học dành cho sinh viên khối ngành kinh tế với những kiến thức lý thuyết cơ bản về tài chính công và thuế; hệ thống thuế Việt Nam: Khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ và phương pháp tính thuế, đăng ký, kê khai, nộp, miễn, giảm, hoàn, truy thu và thủ tục nộp của các luật thuế Việt Nam hiện hành

**126001 – ANH VĂN CHUYÊN NGÀNH DU LỊCH**

Tiếng Anh chuyên ngành du lịch là một môn học cần thiết dành cho sinh viên trong lĩnh vực dịch vụ du lịch – lữ hành, đam mê du lịch. Môn học giúp cho sinh viên có thể quảng bá hình ảnh của đất nước Việt Nam đến với du khách và bạn bè quốc tế. Sinh viên sau khi học xong môn học có thể giao tiếp, sử dụng thành thạo các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong công việc của một hướng dẫn viên du lịch chuyên nghiệp ở các tour trong và ngoài nước.

**126009 – NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH**

Môn học này giúp sinh viên hiểu được các yêu cầu cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, các khái niệm, quy trình và các phương pháp hướng dẫn du lịch, cách giải quyết các tình huống thực tế phát sinh.

Bên cạnh đó, môn học này giúp sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn khách tham quan tại các loại điểm tham quan khác nhau, tự tin hơn trong giao tiếp, khả năng nói, thuyết minh và làm chủ một vấn đề đang nói, có khả năng giải quyết được các tình huống cơ bản thường gặp khi dẫn tour…

**126019 – THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH TOUR**

## Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kĩ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour

**126017 – QUẢN LÝ SỰ KIỆN VÀ LỄ HỘI**

Quản trị sự kiện và lễ hội là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức về các loại hình du lịch sự kiện và hội nghị, lễ hội, các loại hình tổ chức quản lý thực hiện loại dịch vụ này. Quy trình phục vụ khách hàng đối với mỗi loại dịch vụ cho từng loại khách hàng và kích thích sự tái sử dụng dịch vụ của khách hàng.

**126015 – QUẢN TRỊ KINH DOANH DỊCH VỤ NHÀ HÀNG**

Là học phần bắt buộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành. Bao gồm các nội dung về quản trị nhà hàng, quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại nhà hàng; kế hoạch thực đơn; quản trị hoạt động phục vụ trong nhà hàng, phòng tiệc của khách sạn.

**126023 – TUYẾN ĐIỂM DU LỊCH**

Tuyến điểm du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên nhằm phát triển du lịch ở nước ta, các điểm du lịch, tuyến du lịch tại các vùng du lịch với những sản phẩm du lịch đặc trưng và hướng khai thác ở Việt Nam.

**126030 – TIẾNG HÀN CHO DU LỊCH 4**

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những mẫu ngữ pháp cơ bản ở mức độ trung cấp và những từ vựng liên quan đến đời sống hằng ngày như mùa, thời tiết, gọi điện thoại, sở thích... Ngoài phần từ vựng, ngữ pháp, sinh viên học được các kĩ năng được lồng ghép tích hợp, nghe hiểu và đàm thoại,nhằm giúp sinh viên hứng thú rèn luyện và phát triển các kĩ năng nghe, nói để có thể giao tiếp được với khách du lịch người Hàn Quốc.

**126034 – TIẾNG NHẬT CHO DU LỊCH 4**

Học phần gồm 4 bài (từ bài 12-16) của giáo trình みんなの日本語初級I (*Minna no Nihongo Shokyu I*) tập trung vào việc phân loại, cách chia và so sánh các tính từ; giới thiệu cấu trúc câu mục đích, giới thiệu thể て, và cách sử dụng; giới thiệu mẫu câu xin phép, cấu trúc câu cấm đoán; giới thiệu cấu trúc câu khả năng, sở thích; giới thiệu cấu trúc câu liên kết động từ, tính từ. Trong mỗi bài, SV được giải thích những điểm ngữ pháp mới, sau đó luyện tập và vận dụng vào thực tế thông qua nhiều hình thức như hỏi đáp với GV, đàm thoại với bạn trong lớp, dịch Nhật – Việt, Việt – Nhật, đọc hiểu và trả lời câu hỏi…

**126038 – BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU LỊCH**

Bảo vệ môi trường du lịch là môn học có nhiệm vụ cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường và môi trường du lịch, tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường trong du lịch. Đồng thời đưa ra được các giải pháp nhằm phát triển du lịch bền vững.

**Khóa luận tốt nghiệp:** *Bao gồm: Báo cáo nghiên cưu khoa học và báo cáo thực tập tốt nghiệp*.

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một hoạt động xã hội, hướng vào việc tìm kiếm những điều mà khoa học chưa biết: hoặc là phát hiện bản chất sự vật, phát triển nhận thức khoa học về thế giới; hoặc là sáng tạo phương pháp mới và phương tiện kĩ thuật mới để cải tạo thế giới,… sau đó viết bài và báo cáo với hội đồng giảng viên về những kiến thức, kỹ năng, khuyến nghị được học trong suốt quá trình nghiên cứu và thực tập, đồng thời cũng cho thấy được thái độ của sinh viên khi tiếp cận với công việc và khuyến nghị giải quyết các vấn đề thực tế.

Báo cáo thực tập tốt nghiệp là việc sinh viên tham gia vào hoạt động tập sự tại các doanh nghiệp du lịch, nhà hàng – khách sạn, dịch vụ, truyền thông, các cơ quan quản lý về du lịch để tiếp cận với các hoạt động thực tế tại các đơn vị. Sau 5 tháng thực tập, sinh viên sẽ tổng hợp lại những thông tin cơ bản của đơn vị tương ứng sau đó viết bài và báo cáo với hội đồng giảng viên về những kiến thức, kỹ năng đã được học trong suốt quá trình thực tập, đồng thời cũng cho thấy được thái độ của sinh viên khi tiếp cận với công việc thực tế.

**10. ĐẶC TRƯNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình này được triển khai giảng dạy theo phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, các phương pháp điển hình: Chiến lược kỹ năng tư duy để thúc đẩy sinh viên phát triển ý tưởng sáng tạo, phương pháp nghiên cứu tình huống, … Ngoài ra, chương trình đào tạo cũng sử dụng mạnh mẽ hình thức tham luận, với khách mời là những doanh nhân, nhà quản trị, các cựu sinh viên thành đạt.. để sinh viên có thể có những bài học thực tế.

Đồng thời, trong chương trình đào tạo sử dụng thường xuyên phương pháp thuyết trình nhằm tăng cường các kỹ năng thuyết trình, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy phản biện … cho sinh viên. Sinh viên của chương trình còn được tham gia đa dạng các hoạt động thực tế thông qua các buổi kiến tập vào năm đầu tiên, năm hai và thực tập cuối khóa.

Đặc biệt, để thúc đẩy tinh thần kinh doanh và khởi nghiệp. Chương trình đào tạo còn phát triển các hoạt động dạy và học thông qua việc phát triển các dự án kinh doanh cho sinh viên.

**11. ĐIỂM QUÁ TRÌNH**

Với việc sử dụng đa dạng chiến lược dạy và học, chương trình đào tạo cử nhân Quản trị du lịch và lữ hành cũng sử dụng phương pháp đánh giá đa dạng tương ứng. Với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá xuyên suốt cả quá trình thông qua các hình thức thuyết trình, thuyết minh, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài báo cáo hoặc thi tự luận, vấn đáp, trắc nghiệm… Quy trình đánh giá được thực hiện một cách chặt chẻ và tuân thủ các tiêu chí đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng cho mọi sinh viên.

Trường sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá sinh viên như sau: Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần: điểm quá trình (30%), điểm tự học (30%) và điểm cuối học phần (40%) (Thi tự luận, trắc nghiệm, báo cáo chuyên đề, thực hành…). Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Sinh viên phải đạt được 4/10 điểm cho tất cả các môn học.

**12. NGÀY BAN HÀNH VÀ CHỈNH SỬA**

Ngày ban hành tháng 5/2021